



CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84-4) 3793 1428 / Fax: (84-4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 29

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Solavina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101612880 ngày 21 tháng 02 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 210.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản;
- Xây lắp công trình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 29).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch
Ông Lê Trường Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hoài Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Tiến	Ủy viên
Bà Trần Thị Chính	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bảo Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Tiến	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016
Ông Lê Hoài Hưng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Bà Trần Thị Chính	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



Số : 302./2016/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Solavina được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15. Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.161.702.106	74.847.652.892
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		892.672.289	389.448.787
1.	Tiền	111	V.01	892.672.289	389.448.787
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.817.744.243	50.975.854.992
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	58.120.224.189	37.190.537.301
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	8.663.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	5.034.520.054	13.785.317.691
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	15.297.083.047	22.588.852.206
1.	Hàng tồn kho	141		15.297.083.047	22.588.852.206
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		154.202.527	893.496.907
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	91.866.830	50.500.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.931.770	839.592.980
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	3.403.927	3.403.927
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.712.218.095	187.915.018.211
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		76.500.000	76.500.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	76.500.000	76.500.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220	V.07	1.465.425.455	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		1.465.425.455	-
	- Nguyên giá	222		1.465.425.455	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	177.050.000.000	187.800.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		170.030.000.000	170.030.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.020.000.000	17.770.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		120.292.640	38.518.211
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	120.292.640	38.518.211
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.873.920.201	262.762.671.103

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		40.678.578.126	53.988.760.759
I.	Nợ ngắn hạn	310		39.878.578.126	53.988.760.759
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	29.317.268.145	45.508.559.563
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.750.113.692	2.717.193.861
4.	Phải trả người lao động	314		39.682.775	53.463.622
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	6.354.237.938	5.692.268.137
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	200.000.000	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
II.	Nợ dài hạn	330		800.000.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	800.000.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.195.342.075	208.773.910.344
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	226.195.342.075	208.773.910.344
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.970.941.985	8.549.510.254
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.549.510.254	1.258.892.019
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.421.431.731	7.290.618.235
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.873.920.201	262.762.671.103

Người lập biểu

Trần Thị Chinh

Kế toán trưởng

Trần Thị Chinh

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Bảo Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	69.655.625.080	9.266.554.744
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.655.625.080	9.266.554.744
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	65.978.591.146	9.020.814.389
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.677.033.934	245.740.355
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.540.799.143	21.375.813
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	-	116.846.081
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	116.846.081
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	811.879.269	766.587.612
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.405.953.808	(616.317.525)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	496.136.968
12.	Chi phí khác	32	VI.06	103.252.246	36.000.095
13.	Lợi nhuận khác	40		(103.252.246)	460.136.873
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.302.701.562	(156.180.652)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.881.269.831	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.421.431.731	(156.180.652)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	356	(8)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	356	(8)

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chh

Chh

Trần Thị Chinh

Trần Thị Chinh



Nguyễn Bảo Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.302.701.562	(156.180.652)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	165.261.478
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.540.799.143)	(517.512.180)
-	Chi phí lãi vay	06		-	116.846.081
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.761.902.419	(391.585.273)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.611.228.041)	26.930.506.495
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.291.769.159	(1.558.190.753)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(15.407.466.066)	(24.045.280.883)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(123.141.259)	101.512.166
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	(122.232.081)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(783.986.398)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(19.872.150.186)	914.729.671
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.465.425.455)	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	1.400.000.000
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	400.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.250.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.750.000.000	12.259.300.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.799.143	21.375.813
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		9.375.373.688	1.830.675.813

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.000.000.000	5.219.412.500
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(7.528.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(131.083.334)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.000.000.000	(2.439.670.834)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		503.223.502	305.734.650
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		389.448.787	90.751.560
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		892.672.289	396.486.210

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Chinh

Trần Thị Chinh



Nguyễn Bảo Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản;
- Xây lắp công trình.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty liên doanh, liên kết gồm:

<u>Tên Công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam	Số 99, ngõ 141, phố Trích Sài, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	618.277.808	306.407.143
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	274.394.481	83.041.644
Cộng	<u>892.672.289</u>	<u>389.448.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	170.030.000.000	-	170.030.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam ^(a)	170.030.000.000	-	170.030.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	7.020.000.000	-	17.770.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai Khoáng ^(b)	-	-	10.750.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật ^(c)	3.420.000.000	-	3.420.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công ^(d)	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Cộng	177.050.000.000	-	177.050.000.000	-

^(a) Công ty đã đầu tư 170.030.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam, tương đương 43,26% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

^(b) Giá trị khoản đầu tư giảm trong kỳ là 10.750.000.000 đồng, do Công ty chuyển nhượng lại 1.075.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng cho ông Nguyễn Hải Đăng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12 tháng 01 năm 2016, giá chuyển nhượng là 16.000 đồng/cổ phần.

^(c) Công ty đã đầu tư 3.420.000.000 đồng (tương đương 342.000 cổ phần) vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật, chiếm 19,00% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

^(d) Công ty đã đầu tư 3.600.000.000 đồng (tương đương 180.000 cổ phần) vào Công ty Cổ phần Thủy Sản Sông Công, chiếm 18,00% vốn điều lệ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có giá giao dịch giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	58.120.224.189	37.190.537.301
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	13.035.514.888	-
- Công ty TNHH Thương mại Thảo Kiệt	10.370.000.000	-
- Công ty TNHH dịch vụ đầu tư thương mại xuất khẩu Hưng Yên	18.480.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á	-	31.430.500.000
- Công ty TNHH Thép và Vật tư Hoàng Hải	-	2.705.622.314
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 475	-	2.693.793.395
- Ông Nguyễn Hải Đăng	13.180.264.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.054.445.301	360.621.592
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	58.120.224.189	37.190.537.301

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.035.514.888	-
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	13.035.514.888	-
Cộng	13.035.514.888	-

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.663.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Mạnh Cường (*)	8.663.000.000	-	-	-
Cộng	8.663.000.000	-	-	-

(*): Là khoản cho vay tín chấp theo hợp đồng số 1705/2016/HDNTTD-SOLA ngày 17 tháng 5 năm 2016, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,75%/tháng.

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.034.520.054	-	13.785.317.691	-
- Tạm ứng	4.520.237.541	-	1.615.387.451	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	550.000.000	-
- Phải thu khác	514.282.513	-	11.619.930.240	-
+ Ông Nguyễn Hải Đăng	-	-	9.980.000.000	-
+ Ông Nguyễn Đức Tiến	484.109.000	-	439.416.000	-
+ Công ty CP ĐT và PT Năng Lượng Việt Nam	-	-	1.171.520.000	-
+ Các khoản phải thu khác	30.173.513	-	28.994.240	-
b. Dài hạn	76.500.000	-	76.500.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	76.500.000	-	76.500.000	-
Cộng	5.111.020.054	-	13.861.817.691	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	8.958.958	-	8.958.958	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.133.994.450	-	6.840.543.388	-
- Hàng hoá	8.154.129.639	-	15.739.349.860	-
Cộng	15.297.083.047	-	22.588.852.206	-

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Mua trong kỳ	1.465.425.455	-	1.465.425.455
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.465.425.455</i>	-	<i>1.465.425.455</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>1.465.425.455</i>	-	<i>1.465.425.455</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 0 đồng.

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.465.425.455 VND và 1.465.425.455 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

08. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	91.866.830	50.500.000
- Chi phí thuê văn phòng	75.250.000	50.500.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.551.830	-
- Các khoản khác	5.065.000	-
b. Dài hạn	120.292.640	38.518.211
- Chi phí sửa chữa	16.507.355	24.761.033
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	46.875.205	-
- Chi phí mua bảo hiểm	36.910.080	13.757.178
- Các khoản khác	20.000.000	-
Cộng	212.159.470	89.018.211

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

09. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
b. Vay dài hạn						
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	1.000.000.000	200.000.000	800.000.000	800.000.000
- Vay ngân hàng	-	-	1.000.000.000	200.000.000	800.000.000	800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng (*)	-	-	1.000.000.000	200.000.000	800.000.000	800.000.000
Cộng	-	-	1.200.000.000	200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số REF1617300005/HDTĐ ngày 27 tháng 6 năm 2016 với mục đích thanh toán tiền mua ô tô. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vay.

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Thăng Long	29.317.268.145	29.317.268.145	45.508.559.563	45.508.559.563
- Công ty TNHH Thiên Thành Phát	17.380.000.000	17.380.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Nam Hà Nội	6.400.000.000	6.400.000.000	10.111.500.000	10.111.500.000
- Công ty TNHH MTV Nông sản Linh Anh	3.105.394.588	3.105.394.588	3.105.394.588	3.105.394.588
- Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái	-	-	13.710.000.000	13.710.000.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.431.873.557	2.431.873.557	10.077.563.100	10.077.563.100
Cộng	29.317.268.145	29.317.268.145	45.508.559.563	45.508.559.563

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND				
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	794.407.299	-	64.363.602	-	730.043.697
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.922.786.562	1.881.269.831	783.986.398	-	3.020.069.995
- Thuế thu nhập cá nhân	3.403.927	-	127.812	127.812	3.403.927	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	96.196.408	96.196.408	-	-
Cộng	3.403.927	2.717.193.861	1.981.594.051	948.674.220	3.403.927	3.750.113.692

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	6.354.237.938	5.692.268.137
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	37.839.146
- Bảo hiểm xã hội	-	109.023.244
- Bảo hiểm y tế	-	2.985.300
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	796.080
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.314.527.488	5.441.624.367
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	2.013.743.000	1.338.943.000
+ Ông Lê Hoài Hưng	204.782.209	70.891.209
+ Bà Nguyễn Thị Quyên	3.628.831.542	3.628.831.542
+ Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nam Hà Nội	367.000.000	367.000.000
+ Các đối tượng khác	100.170.737	35.958.616
b. Dài hạn	-	-
Cộng	6.354.237.938	5.692.268.137

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	83.562.028	87.934.868	1.311.795.213	201.483.292.109
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.290.618.235	7.290.618.235
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	4.372.840	48.530.354	(52.903.194)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	87.934.868	136.465.222	8.549.510.254	208.773.910.344
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	7.421.431.731	7.421.431.731
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	15.970.941.985	226.195.342.075

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
- Vốn góp của công ty mẹ	-	0%	-	0%
- Vốn góp của các đối tượng khác	210.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%
+ Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	56.000.000.000	27%	56.000.000.000	28%
+ Công ty CP Đầu tư Xanh Việt Nam	20.000.000.000	10%	20.000.000.000	10%
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	20.000.000.000	10%	20.000.000.000	10%
+ Ông Triệu Văn Hợi	20.000.000.000	10%	20.000.000.000	10%
+ Ông Nguyễn Ngọc Sơn	20.000.000.000	10%	20.000.000.000	10%
+ Các đối tượng khác	74.000.000.000	35%	64.000.000.000	32%
Cộng	210.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	10.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	87.934.868	87.934.868
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	136.465.222	136.465.222
Cộng	224.400.090	224.400.090

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Doanh thu bán hàng hóa	69.655.625.080	3.942.127.945
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	285.000.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	5.039.426.799
Cộng	69.655.625.080	9.266.554.744

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	11.850.468.080	-

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.978.591.146	3.948.831.122
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	132.575.761
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	4.939.407.506
Cộng	65.978.591.146	9.020.814.389

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.799.143	21.375.813
- Lãi bán các khoản đầu tư	6.450.000.000	-
Cộng	6.540.799.143	21.375.813

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền vay	-	116.846.081
Cộng	-	116.846.081

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	283.636.364
- Lãi do đánh giá tài sản góp vốn đầu tư	-	212.500.000
- Các khoản khác	-	604
Cộng	-	496.136.968



CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Chi phí khác

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	-	30.000.000
- Chi phí đào tạo cán bộ	-	-
- Các khoản bị phạt	98.252.246	6.000.000
- Các khoản khác	5.000.000	95
Cộng	103.252.246	36.000.095

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	811.879.269	766.587.612
- Chi phí nhân viên quản lý	265.221.137	332.587.862
- Chi phí vật liệu quản lý	5.699.146	8.766.920
- Chi phí đồ dùng văn phòng	15.922.632	52.932.665
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	2.685.714
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.691.528	328.725.143
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	276.344.826	36.889.308
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	811.879.269	766.587.612

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	1.881.269.831	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.881.269.831	-

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.302.701.562
Các khoản điều chỉnh tăng	103.647.593
Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	98.252.246
Lãi chậm nộp BHXH	395.347
Chi phí hỗ trợ chương trình từ thiện	5.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	9.406.349.155
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.881.269.831

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.421.431.731	(156.180.652)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.421.431.731	(156.180.652)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.868.132	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	356	(8)

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.421.431.731	(156.180.652)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.421.431.731	(156.180.652)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.868.132	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	356	(8)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.006.730	-
- Chi phí nhân công	320.529.804	332.587.862
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	135.261.475
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.252.856	480.827.947
- Chi phí khác bằng tiền	320.540.941	2.634.219.695
Cộng	1.105.330.331	3.582.896.979

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Thanh lý khoản góp vốn vào đơn vị khác chưa thu tiền **6.450.000.000** đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<i>Hội đồng quản trị</i>		
- Vay tiền không tính lãi	3.365.691.000	-
- Trả nợ vay	2.557.000.000	-
- Tạm ứng	5.317.600	19.000.000
- Hoàn tạm ứng	5.317.600	20.000.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng		
- Vay tiền không tính lãi	-	3.989.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Hội đồng quản trị</i>		
+ Phải trả phải nộp khác	2.218.525.209	1.509.834.209
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng (ủy viên HĐQT)		
+ Phải trả phải nộp khác	3.628.831.542	3.628.831.542
Cộng nợ phải trả	5.847.356.751	5.138.665.751

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tiền lương	150.539.268	126.048.255
Cộng	150.539.268	126.048.255

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng
lượng Việt Nam
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt
Công ty Cổ phần Đầu tư Xanh Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn
Cổ đông góp vốn
Cổ đông góp vốn
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan được thuyết minh tại mục VI.01. Ngoài ra, không có giao dịch nào khác phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.171.520.000
Cộng nợ phải thu	-	1.171.520.000

03. Thông tin về bộ phận

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh hoạt động kinh doanh thương mại và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND						
	Giá trị số sách						
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng			
Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.672.289	-	389.448.787	-	389.448.787	892.672.289	389.448.787
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.297.506.702	-	48.810.467.541	-	48.810.467.541	67.297.506.702	48.810.467.541
Phải thu về cho vay	8.663.000.000	-	-	-	-	8.663.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	7.020.000.000	-	17.770.000.000	-	17.770.000.000	7.020.000.000	17.770.000.000
Cộng	83.873.178.991	-	66.969.916.328	-	66.969.916.328	83.873.178.991	66.969.916.328

	Đơn vị tính: VND						
	Giá trị số sách						
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả cho người bán	29.317.268.145	45.508.559.563	29.317.268.145	45.508.559.563	29.317.268.145	45.508.559.563	29.317.268.145
Vay và nợ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	6.314.527.488	5.541.624.367	6.314.527.488	5.541.624.367	6.314.527.488	5.541.624.367	6.314.527.488
Cộng	36.631.795.633	51.050.183.930	36.631.795.633	51.050.183.930	36.631.795.633	51.050.183.930	51.050.183.930

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho cá nhân khác vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	29.317.268.145	-	-	29.317.268.145
Vay và nợ	200.000.000	800.000.000	-	1.000.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	6.314.527.488	-	-	6.314.527.488
Cộng	35.831.795.633	800.000.000	-	36.631.795.633
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	45.508.559.563	-	-	45.508.559.563
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	5.541.624.367	-	-	5.541.624.367
Cộng	51.050.183.930	-	-	51.050.183.930

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Chinh

Trần Thị Chinh

Nguyễn Bảo Trung